



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRƯỚC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 - 18

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thế Hường	Chủ tịch
Ông Phan Từ Giang	Thành viên
Ông Hoàng Huy Hà	Thành viên
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Phan Từ Giang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lưu Tâm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2013)


#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Phan Từ Giang  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>929.264.440.493</b>	<b>928.561.331.620</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>679.198.700.459</b>	<b>766.437.653.703</b>
1. Tiền	111		429.198.700.459	416.437.653.703
2. Các khoản tương đương tiền	112		250.000.000.000	350.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>98.560.412.768</b>	<b>131.503.276.742</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	27.146.202.607	65.774.695.500
2. Trả trước cho người bán	132		50.485.705.896	10.492.477.918
3. Phải thu theo tiến độ của hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	7	20.928.504.265	55.236.103.324
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>124.892.186.250</b>	<b>22.083.725.267</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	124.892.186.250	22.083.725.267
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.613.141.016</b>	<b>8.536.675.938</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.334.109.522	2.130.564.692
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.047.496.610	178.123.270
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		738.786.735	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.492.748.149	6.227.987.976
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+260)</b>	<b>200</b>		<b>911.678.024.057</b>	<b>950.537.151.063</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>764.147.870.398</b>	<b>801.339.444.069</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	756.823.902.915	791.955.282.495
- Nguyên giá	222		1.244.769.718.843	1.244.096.834.951
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(487.945.815.928)	(452.141.552.456)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	3.632.468.564	5.692.882.799
- Nguyên giá	228		35.269.773.145	35.269.773.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.637.304.581)	(29.576.890.346)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	3.691.498.919	3.691.278.775
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>147.530.153.659</b>	<b>149.197.706.994</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	139.252.993.577	140.920.546.912
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	8.277.160.082	8.277.160.082
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.840.942.464.550</b>	<b>1.879.098.482.713</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.455.563.360.143</b>	<b>1.470.877.287.628</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>795.914.911.046</b>	<b>811.228.838.531</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	164.912.000.000	164.912.000.000
2. Phải trả người bán	312		47.514.848.948	83.715.817.781
3. Người mua trả tiền trước	313		500.461.095.298	491.829.894.134
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	1.031.197.494	381.942.127
5. Phải trả nhân viên	315		8.726.652.442	7.823.477.309
6. Chi phí phải trả	316	16	40.606.944.620	32.259.449.224
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	29.262.012.648	26.870.198.360
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.400.159.596	3.437.059.596
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>659.648.449.097</b>	<b>659.648.449.097</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	659.648.449.097	659.648.449.097
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>385.379.104.407</b>	<b>408.221.195.085</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>380.841.032.601</b>	<b>401.578.584.390</b>
1. Vốn cổ phần	411		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.597.721.463	2.597.721.463
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(216.654.558.862)	(195.917.007.073)
<b>II. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	<b>430</b>		<b>4.538.071.806</b>	<b>6.642.610.695</b>
1. Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		4.538.071.806	6.642.610.695
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.840.942.464.550</b>	<b>1.879.098.482.713</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

31/03/2014

31/12/2013

1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ

2. Ngoại tệ các loại

Đô la Mỹ

Euro

5.874.764,96

7.486,92

Phạm Văn Dậu  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quang  
Kế toán trưởng

Phan Tử Giang  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Báo cáo tài chính


Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam


Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	01/01/2014 đến 31/03/2014	01/01/2013 đến 31/03/2013
1. Doanh thu gộp	01	21	732.567.201	713.324.195
2. Doanh thu thuần (10 = 01)	10		732.567.201	713.324.195
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		-	-
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		732.567.201	713.324.195
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	4.831.112.156	3.295.671.006
6. Chi phí tài chính	22	23	15.569.836.020	21.746.056.913
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.769.718.589	21.709.989.491
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.515.402.334	7.063.122.257
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(16.521.558.997)	(24.800.183.969)
9. Thu nhập khác	31		56.487.091	307.143.885
10. Chi phí khác	32		4.272.479.883	-
11. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(4.215.992.792)	307.143.885
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		(20.737.551.789)	(24.493.040.084)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	-
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		(20.737.551.789)	(24.493.040.084)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(348.59)	(411,72)

  
Phạm Văn Dậu  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Quang  
Kế toán trưởng

  
Phan Tử Giang  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất


Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam


Báo cáo tài chính  
Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	01/01/2014 đến 31/03/2014	01/01/2013 đến 31/03/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(20.737.551.789)	(24.504.276.523)
2. Điều chỉnh cho các khoản:		13.839.752.054	
Khấu hao tài sản cố định	02	35.711.440.901	32.932.106.090
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.101.970.258)	(2.782.502.303)
Chi phí lãi vay	06	15.769.718.589	21.709.989.491
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.879.799.735	27.355.316.755
Biến động các khoản phải thu	09	28.301.370.565	238.487.757.301
Biến động hàng tồn kho	10	(103.092.649.698)	(53.819.178.472)
Biến động các khoản phải trả	11	(16.546.378.264)	(64.354.949.111)
Biến động chi phí trả trước	12	(535.991.495)	952.717.334
Tiền lãi vay đã trả	13	(15.769.718.589)	(8.042.952.266)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.728.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.253.144.256)	(3.240.145.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(91.701.554.944)	141.066.566.041
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	672.701.892	-
2. Thu lãi tiền gửi	27	5.135.303.592	2.782.502.303
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.462.601.700	2.782.502.303
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông	32	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	40.310.412.852
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	40.310.412.852
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	(87.238.953.244)	184.159.481.196
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	766.437.653.703	236.580.775.891
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	679.198.700.459	420.740.257.087

  
Phạm Văn Dậu  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Quang  
Kế toán trưởng

  
Phan Tử Giang  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2014



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 1. THÔNG TIN CHUNG

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 9 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 là 728 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 725 nhân viên).

##### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

##### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

##### Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014.

##### Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Công cụ tài chính

###### *Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

###### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 6
Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Tài sản khác	3

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị san lấp mặt bằng và công cụ dụng cụ được chuyển từ tài sản cố định hữu hình sang theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do có nguyên giá dưới 30 triệu đồng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	12.005.228.289	6.927.001.142
Tiền gửi ngân hàng	417.193.472.170	409.510.652.561
Các khoản tương đương tiền	250.000.000.000	350.000.000.000
	<u>679.198.700.459</u>	<u>766.437.653.703</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 1 đến 2 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước với lãi suất từ 5.8% /năm đến 6.2%/năm.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/03/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cty CP DV Lắp Đặt, Vận Hành và Bảo Dưỡng Công trình DK Biển PTSC	1.579.742.000	16.407.583.214
Công ty Cổ phần Hàng Hải Semco Việt nam	25.402.276.094	39.898.247.751
Seadrill Telesto Ltd	-	7.219.233.407
UMW OFFSHORE DRILLING SDN BHD	163.173.749	
Khách hàng khác	1.010.764	2.249.631.128
	<u>27.146.202.607</u>	<u>65.774.695.500</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU KHÁC**

	31/03/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	15.005.336.914	49.753.235.033
Khách hàng khác	3.245.922.320	5.482.868.291
	<u>18.251.259.234</u>	<u>55.236.103.324</u>

Khoản phải thu Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) - Chi nhánh Vũng Tàu chủ yếu liên quan đến các chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra cho việc sửa chữa tài sản cố định là cầu bánh xích DEMAG CC6800. Công ty sẽ thu hồi lại khoản chi này từ PVI theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 12/16/01/XDLD/PC00057 với số tiền bảo hiểm cho tài sản này tối đa là 230.968.860.174 đồng, bằng với nguyên giá của tài sản được bảo hiểm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty và PVI chưa thống nhất số tiền bồi thường bảo hiểm. Tuy nhiên, theo hợp đồng bảo hiểm, số tiền bảo hiểm sẽ được khấu trừ mức miễn trừ được quy định trong giấy chứng nhận bảo hiểm (5%). Ngoài ra, PVI sẽ chi bồi thường sau khi chấp nhận việc xuất trình các hóa đơn và chứng từ cần thiết chứng minh rằng việc sửa chữa đã được thực hiện, tùy theo từng trường hợp cụ thể. Chi phí ước tính cho việc sửa chữa cầu khoảng 134 tỷ đồng, bao gồm các chi phí giám định tổn thất, chi phí vận chuyển ra nước ngoài sửa chữa, các chi phí nhân công và nguyên vật liệu, trong đó chi phí sửa chữa chính tại nhà máy sản xuất cầu ở nước ngoài là 2.691.761,29 EUR, tương đương 73 tỷ đồng. Trong năm, Công ty đã nhận được một phần giá trị khoản bồi thường bảo hiểm từ PVI với số tiền 42 tỷ đồng. Số dư phải thu từ PVI tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa cầu nhưng chưa được xác nhận bồi thường. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tiền này sẽ được thu hồi trên cơ sở các điều khoản bồi thường của hợp đồng bảo hiểm tài sản.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	18.115.000.968	16.220.424.565
Công cụ, dụng cụ	5.416.796.001	5.291.045.287
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	101.360.389.281	572.255.415
	<u>124.892.186.250</u>	<u>22.083.725.267</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

**9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Tại ngày 01/01/2014	737.423.602.480	108.622.692.961	377.762.806.033	8.299.917.097	3.850.699.617	8.137.116.763	1.244.096.834.951
Tăng trong kỳ			318.922.204	353.961.688			672.883.892
Kết chuyển từ chi phí XD CBDD							
Tại ngày 31/03/2014	737.423.602.480	108.622.692.961	378.081.728.237	8.653.878.785	3.850.699.617	8.137.116.763	1.244.769.718.843
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Tại ngày 01/01/2014	263.812.982.740	52.495.707.626	119.517.666.045	7.075.804.296	2.501.818.476	6.737.573.273	452.141.552.456
Khấu hao trong kỳ	22.872.175.143	3.909.098.748	8.104.062.816	229.654.961	222.757.302	466.514.502	35.804.263.472
Tại ngày 31/03/2014	286.685.157.883	56.404.806.374	127.621.728.861	7.305.459.257	2.724.575.778	7.204.087.775	487.945.815.928
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 31/03/2014	450.738.444.597	52.217.886.587	250.459.999.376	1.348.419.528	1.126.123.839	933.028.988	756.823.902.915

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 21.429.385.257 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 20.676.761.074 đồng).

(\*) Phân loại lại thể hiện các tài sản không còn thỏa điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45. Giá trị còn lại của những tài sản này được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	12.104.018.935	23.165.754.210	35.269.773.145
Tăng trong kỳ			
Tại ngày 31/03/2014	<u>12.104.018.935</u>	<u>23.165.754.210</u>	<u>35.269.773.145</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	11.688.633.051	17.888.257.295	29.576.890.346
Khấu hao trong kỳ	129.934.731	1.930.479.504	2.060.414.235
Tại ngày 31/03/2014	<u>11.818.567.782</u>	<u>19.818.736.799</u>	<u>31.637.304.581</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/03/2014	<u>285.451.153</u>	<u>3.347.017.411</u>	<u>3.632.468.564</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.942.302.150 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.544.802.150 đồng).

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG**

	31/03/2014 VND	31/12/2013 VND
Tại ngày 1 tháng 1	3.691.278.775	24.044.565.109
Tăng trong năm	220.144	1.862.212.280
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(16.963.457.872)
Kết chuyển sang tài sản vô hình	-	-
Kết chuyển sang chi phí trả trước	-	-
Kết chuyển sang chi phí khác	-	(5.252.040.742)
	<u>3.691.498.919</u>	<u>3.691.278.775</u>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/03/2014 VND	31/12/2013 VND
Công cụ, dụng cụ	4.776.917.826	3.844.519.402
Tiền thuê đất	131.124.740.053	132.506.959.411
Khác	3.351.335.698	4.569.068.099
	<u>139.252.993.577</u>	<u>140.920.546.912</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm nay và các kỳ kế toán trước:

	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Các khoản lỗ tính thuế VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-
Ghi nhận vào lãi trong năm	351.294.804	-	351.294.804
Tại ngày 31/12/2012	351.294.804	-	351.294.804
Ghi nhận vào lỗ trong năm	(274.568.421)	8.200.433.699	7.925.865.278
Tại ngày 31/12/2013	<u>76.726.383</u>	<u>8.200.433.699</u>	<u>8.277.160.082</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 183.860.577.202 đồng (năm 2012: 0 đồng) có thể được dùng để khấu trừ các khoản lợi nhuận trong tương lai. Trong đó:

- Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế 82.004.336.994 đồng với mức thuế suất 10% (xem thuyết minh số 27) vì Công ty tin tưởng khả năng có lợi nhuận trong tương lai để có thể khấu trừ cho khoản lỗ này. Khoản lợi nhuận dự kiến phát sinh từ dự án xây dựng giàn Tam Đảo 05 và nâng cấp giàn Tam Đảo 02 đã ký kết với Vietsovpetro vào ngày 29 tháng 11 năm 2013.

- Công ty không ghi nhận thuế hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế còn lại là 101.856.240.208 đồng vì không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kết chuyển trong thời gian năm năm kể từ năm sau năm phát sinh lỗ. Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ hết hạn vào năm 2018.

Tại ngày 01/01/2014	8.277.160.082
Ghi nhận vào lãi trong kỳ	
Tại ngày 31/03/2014	<u>8.277.160.082</u>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/03/2014 VND	31/12/2013 VND
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	491.829.894.134	491.829.894.134
Tổng Cty Tư Vấn Đầu Tư Thiết Kế Dầu Khí - CTCP	125.091.648	-
Cty CP Xây Dựng Công Nghiệp Và Dân Dụng DK	57.831.633	-
	<u>492.012.817.415</u>	<u>381.942.127</u>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/03/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	301.270.523
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế khác	1.031.197.494	80.671.604
	<u>1.031.197.494</u>	<u>381.942.127</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/03/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	31.889.875.369	23.061.800.756
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản ( gói thầu XL2 và EPC3)	-	-
Giá trị còn lại của gói XL2 theo Báo cáo kiểm toán	7.018.078.517	7.018.078.517
Chi phí khác	1.698.990.734	2.179.569.951
	<u>40.606.944.620</u>	<u>32.259.449.224</u>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả cổ tức	21.621.914.538	21.846.129.500
Kinh phí công đoàn	647.855.530	512.473.022
Bảo hiểm xã hội	1.449.297.991	-
Bảo hiểm y tế	242.213.266	-
Bảo hiểm thất nghiệp	80.516.555	-
Phải trả khác	5.220.214.768	4.511.595.838
	<u>29.262.012.648</u>	<u>26.870.198.360</u>

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank) gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD ngày 17 tháng 5 năm 2011 với số tiền 641.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Khoản vay này được giải ngân 3 lần với mức lãi suất 4,9%/năm, 14,1%/năm, 12,1%/năm và là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD. Khoản vay này đã được giải ngân hết trong năm 2011.

- Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD ngày 18 tháng 3 năm 2011 với số tiền tối đa là 250.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVFC tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 6 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 6 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVFC đến ngày 06 tháng 4 năm 2012. Trong năm 2011, Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng và trong năm 2012 đã giải ngân 30.363.179.097 đồng.

Ngày 09 tháng 5 năm 2013, Công ty và PVFC đã ký hai phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Hai khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng 100% lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

31/03/2014

31/12/2013



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	164.912.000.000	164.912.000.000
Trong năm thứ hai	164.912.000.000	164.912.000.000
Trong năm thứ ba đến năm thứ năm	494.736.449.097	494.736.449.097
Sau năm năm	-	-
Cộng	824.560.449.097	824.560.449.097
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại chi tiêu Vay và nợ ngắn hạn)	(164.912.000.000)	(164.912.000.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>659.648.449.097</u></b>	<b><u>659.648.449.097</u></b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ <u>VND</u>	Vốn khác của chủ sở hữu <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại ngày 31/12/2013	<u>594.897.870.000</u>	<u>2.597.721.463</u>	<u>(195.917.007.073)</u>	<u>401.578.584.390</u>
Lợi nhuận trong năm			(20.737.551.789)	(20.737.551.789)
Chia cổ tức			-	-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2014</b>	<b><u>594.897.870.000</u></b>	<b><u>2.597.721.463</u></b>	<b><u>(216.654.558.862)</u></b>	<b><u>380.841.032.601</u></b>

Theo Nghị quyết số 026/13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2012 là 5% vốn điều lệ và thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 898.824.578 đồng.

Ngoài ra, cũng theo Nghị quyết này, Đại Hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 594.897.870.000 đồng lên 892.346.800.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa tiến hành các thủ tục để tăng vốn.

**Cổ phần**

	<u>31/03/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>59.489.787</u>	<u>59.489.787</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông và vốn cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/03/2014 và 31/12/2013		
	%	<u>Số cổ phần</u>	<u>Vốn đã góp (VND)</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28,75	17.105.643	171.056.430.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7,53	4.479.257	44.792.570.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Việt-Xô	3,63	2.161.300	21.613.000.000
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần LILAMA 18	3,03	1.800.000	18.000.000.000
Các cổ đông khác	<u>49,00</u>	<u>29.143.587</u>	<u>291.435.870.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

100	59.489.787	594.897.870.000
-----	------------	-----------------

**20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên. Trong năm hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**21. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
Dịch vụ khác	732.567.201	713.324.195
	732.567.201	713.324.195

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 31/04/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
Lãi tiền gửi	6.101.970.258	2.782.502.303
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.413.407	513.168.703
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.276.271.509)	-
	4.831.112.156	3.295.671.006

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
Lãi tiền vay	15.769.718.589	21.709.989.491
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	188.448.453	36.067.422
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(388.331.022)	-
	15.569.836.020	21.746.056.913

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	(20.737.551.789)	(24.493.040.084)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Cộng: Các khoản không được trừ	-	-
Lợi nhuận sau thuế	(20.737.551.789)	(24.493.040.084)
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất 10%		
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất 25%		
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các mức thuế suất như sau:


- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất 25% cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 25% theo quy định hiện hành. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong hai năm tiếp theo.


- Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%.

**25. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(20.737.551.789)	(24.493.040.084)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	59.489.787	59.489.787
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(348.59)</u>	<u>(411.72)</u>

  
Phạm Văn Dậu  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Quang  
Kế toán trưởng

  
Phan Tử Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 4 năm 2014

